

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07-7-2019

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi  
con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Đào Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Thăng.  
2. Ông Trần Công Chiếu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Nguyễn Thành T – sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp \*, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Lai Tú L – sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(anh T có mặt tại phiên tòa, chị L vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 31/3/2020 nguyên đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị L cưới nhau vào năm 2008, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, vợ chồng anh chị thuê nhà trọ sống ở Thành phố Hồ Chí

Minh để đi làm. Quá trình chung sống đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là về vấn đề tiền bạc. Anh và chị L đã ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị Lai Tú L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Đăng K – sinh ngày 27/10/2008 và Nguyễn Hoàng Đăng Q – sinh ngày 02/7/2014. Hiện nay cả 02 con chung đang do chị L nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh T để chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

\* Bị đơn chị Lai Tú L vắng mặt tại phiên tòa.

\* Tại phiên tòa, nguyên đơn anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị L. Về con chung, anh T để chị L tiếp tục nuôi dưỡng và anh sẽ cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng). Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị L. Về con chung, hiện nay cả 02 con chung đang do chị L nuôi dưỡng, cháu K có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, đồng thời để tránh thay đổi hoàn cảnh sống ảnh hưởng đến sự phát triển của các cháu nên cần giao cháu K và cháu Q cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung, tại phiên tòa anh T trình bày giữa anh và chị L không có tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Thành T yêu cầu được ly hôn với chị Lai Tú L và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung giữa vợ chồng chị khi ly hôn. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Đối với chị Lai Tú L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị L vẫn không đến tham dự phiên tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị L.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị L, Hội đồng xét xử xét thấy anh T và chị L tự nguyện cưới nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân của anh T và chị L là hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng anh chị đã thuê nhà trọ ở Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống và làm việc, quá trình chung sống giữa vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc. Anh T và chị L đã ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy anh T và chị L đã có thời gian ly thân nhưng anh chị không giải quyết được mâu thuẫn, đồng thời quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị L nhưng chị L vẫn không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T chứng tỏ chị L không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị L.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị L có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Đăng K – sinh ngày 27/10/2008 và Nguyễn Hoàng Đăng Q – sinh ngày 02/7/2014. Khi ly hôn, anh T để 02 con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng cho cháu K và cháu Q, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu K và cháu Q đang do chị L nuôi dưỡng, để tránh thay đổi điều kiện sống ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất và tâm lý của các cháu nên cần giao cả 02 con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K và cháu Q, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày giữa anh và chị L không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị L. Về con chung, giao cả 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung giữa anh T, chị L đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy những phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a, khoản 5 và điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a, khoản 5 và điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thành T với chị Lai Tú L. Anh Nguyễn Thành T được ly hôn với chị Lai Tú L.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Đăng K – sinh ngày 27/10/2008 và Nguyễn Hoàng Đăng Q – sinh ngày 02/7/2014 cho chị Lai Tú L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K và cháu Q, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, bắt đầu thực hiện cấp dưỡng từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu K và cháu Q đủ 18 tuổi. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Án phí: Anh Nguyễn Thành T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0016355 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang nên anh T phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng án phí.

4/ Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị L được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- UBND xã Thanh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Đào Oanh**

